

HIỆU QUẢ BƯỚC ĐẦU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 62 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

HIỀN HÒA

Quyet định 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/04/2004 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (NS&VSMTNT) được triển khai ở tỉnh ta vào đầu năm 2006.

Là một tỉnh nằm trong vùng khí hậu khắc nghiệt của miền Trung; sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao. Nhiều vùng phong tục tập quán sinh hoạt còn lạc hậu, nhiều vùng dân cư thiếu nguồn nước sạch; vệ sinh môi trường vẫn còn ô nhiễm ở mức độ cao, mùa hè thường hạn hán liên miên gây thiếu nguồn nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp, mùa mưa thường chịu ảnh hưởng của các đợt áp thấp nhiệt đới gây mưa to, lụt lớn làm thiệt hại nặng nề tài sản và tính mạng. Theo đó làm ô nhiễm nguồn nước và môi trường gây nhiều dịch bệnh và ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của nhân dân. Do vậy, khi Quyết định 62/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ triển khai, bước đầu đã được các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân nhất là nhân dân vùng nông thôn đón nhận một cách nồng nhiệt.

Sau khi có chủ trương đó, ngân hàng chính sách xã hội tỉnh đã tranh thủ sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp truyền đạt, phổ biến và tổ chức thực hiện. Đặc biệt đã phối hợp chặt chẽ với Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, cung cấp một số mẫu thiết kế và dự toán về các loại hình xây dựng công trình nước sạch, vệ sinh môi trường phù hợp với

từng địa bàn sinh thái đảm bảo tiêu chuẩn quốc gia để các hộ gia đình lựa chọn. Mặt khác đã tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông báo tại các điểm giao dịch, cùng các tổ chức chính trị xã hội từ tỉnh đến xã củng cố các tổ tiết kiệm và vay vốn, mở nhiều đợt tập huấn để các tổ chức này có thể đảm nhận vai trò uỷ thác cho vay chương trình này.

Nhờ những cố gắng đó, sau 4 năm thực hiện đến nay chương trình cho vay NS&VSMTNT đã triển khai đến 116 xã chiếm 78% tổng số xã thuộc khu vực nông thôn trong toàn tỉnh, với tổng nguồn vốn đã giải ngân gần 90,500 tỷ đồng với 16.403 hộ được vay để xây dựng 24.230 công trình (trong đó 14.000 công trình nước sạch và 10.230 công trình vệ sinh), bình quân 3,7 triệu đồng/một công trình.

Các hộ gia đình nhận vốn vay đã làm giếng khoan bơm điện, xây bể chứa nước, nhiều hộ nâng cấp từ giếng khoan khai thác ở mạch nước nông và bơm tay nay cải tạo thành giếng khoan bơm điện ở mạch nước sâu; một số địa bàn có công trình cấp nước tập trung nhờ vốn vay đã lắp đặt đường ống dẫn nước về tận gia đình. Các hộ gia đình chưa có hoặc đã có nhà vệ sinh nhưng chưa đạt tiêu chuẩn nay nhờ nguồn vốn này mà xây mới hoặc cải tạo nâng cấp. Một số hộ có chăn nuôi đã kết hợp xây bể bioga, làm rãnh thoát nước giảm thiểu tác hại đến môi trường của cộng đồng dân cư...

Nói chung qua kiểm tra các hộ gia đình đã sử dụng vốn đúng mục đích, hoàn thành đúng tiến độ và đưa vào sử dụng đúng thời

hạn, phát huy được hiệu quả toàn diện về kinh tế - xã hội.

Các hộ gia đình đã sử dụng các công trình nước sạch không chỉ phục vụ cho sinh hoạt mà còn phục vụ trực tiếp cho sản xuất kinh doanh, đã thúc đẩy kinh tế VAC phát triển, chuyển biến một bước tích cực góp phần tăng thu nhập đáng kể cho gia đình.

Có công trình nước sạch và vệ sinh môi trường đã nâng cao hẳn chất lượng cuộc sống sinh hoạt; công trình hợp vệ sinh đã góp phần làm trong sạch môi trường nông thôn, xoá bỏ được phong tục tập quán lạc hậu ở nhiều vùng dân cư quen “phóng uế” bừa bãi. Những ngày tháng hạn hán cũng như lụt bão các hộ gia đình đã hoàn toàn chủ động được nguồn nước sinh hoạt không bị ô nhiễm và đảm bảo vệ sinh môi trường. Do vậy, sức khoẻ của người dân được nâng lên rõ rệt, xoá bỏ được nhiều bệnh tật mà trước đây thường dai dẳng như bệnh sốt rét, mẩn ngứa, ghẻ lở, đường ruột... giảm chí phí mua nước giá cao, giảm được thì giờ và chi phí khám chữa bệnh, tăng thời gian cho sản xuất kinh doanh.

Có xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nên nhiều hộ gia đình ngoài vay vốn ưu đãi còn sử dụng một phần vốn tự có để tham gia; các hộ không vay nhưng trước phong trào chung cũng dùng toàn bộ vốn tự có để tự xây đã góp phần thúc đẩy một bước thực hiện xã hội hoá chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Trên cơ sở những kết quả đó đã hình thành nếp sống văn hoá, văn minh nâng cao ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường trong nhân dân; xoá bỏ tập quán sinh hoạt lạc hậu thiếu vệ sinh nhất là vùng dân tộc thiểu số, miền núi; giảm dần sự chênh lệch về điều kiện sinh hoạt giữa nông thôn và thành thị, hạn chế đáng kể sự di cư tự do ở các vùng khan hiếm nguồn nước.

Cho vay NS&VSMTNT thực hiện theo phương thức uỷ thác qua các tổ chức chính trị xã hội thông qua việc xây dựng và củng cố các tổ tiết kiệm và vay vốn. Nhờ các tổ

chức này mà từ việc nắm nhu cầu, đến việc xét duyệt đối tượng vay vốn, giám sát quá trình sử dụng vốn, xây dựng công trình đã thực sự phát huy được tính dân chủ từ cơ sở. Chính nhờ sự phối hợp chặt chẽ đó mà hạn chế rất nhiều việc sử dụng vốn vay sai mục đích, sai địa chỉ, mang lại hiệu quả cao.

Tuy nhiên, qua thực tiễn cũng đặt ra một số vấn đề cần nghiên cứu xem xét đề xuất sửa đổi. Đó là:

Thứ nhất, nhiều vùng việc quy hoạch về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường chưa được quan tâm hay việc triển khai còn chậm nên ảnh hưởng và trở ngại nhất định đến tiến độ cho vay cấp NS&VSMT.

Thứ hai, mức cho vay tối đa mỗi công trình nước sạch hay vệ sinh môi trường chỉ 4 triệu đồng. Với biến động giá cả về vật liệu và nhân công như hiện nay thì không thể đảm bảo những chi phí cần thiết cho việc hoàn thành công trình có chất lượng nhất là những hộ không có vốn tự có. Đề nghị cần nghiên cứu nâng mức cho vay.

Thứ ba, còn có một bộ phận dân cư tuy sống ở địa bàn phường (không thuộc khu vực nông thôn) nhưng thuộc diện hộ nghèo vẫn chưa được hưởng nguồn nước sạch và công trình vệ sinh đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia. Theo Quyết định 62 này thì cũng chưa được vay vốn. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu bổ sung đối tượng này vào đối tượng được thụ hưởng.

Thứ tư, theo Nghị quyết XIV (2006 - 2010) của Tỉnh Đảng bộ Quảng Bình thì mục tiêu nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn còn rất nặng nề. Hơn nữa đối tượng thụ hưởng của chương trình này tương đối rộng, nhu cầu vay vốn còn nhiều. Trong lúc đó ngân hàng Chính sách Xã hội chưa chủ động được nguồn vốn nên đáp ứng còn hạn chế. Đề nghị Trung ương cần nghiên cứu bổ sung hạn mức nguồn vốn này cho Quảng Bình để góp phần tích cực hơn nữa thực hiện mục tiêu của Nghị quyết Đảng bộ tỉnh.

H.H